

Số: 990/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 21 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 7 NĂM 2017

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2017 tăng 7,11% so với tháng trước và tăng 22,62% so với tháng cùng kỳ năm trước (đây là tháng có mức tăng trưởng cao nhất so với các tháng từ đầu năm đến nay). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí đều có mức tăng cao, lần lượt là +23,27% và +35,11%; Ngành công nghiệp khai khoáng và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải có mức tăng lần lượt là +7,56% và +0,47% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 17,06% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2016 (+9,01%). Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 18,83%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,49%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 23,43%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 4,11% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Tháng 7/2017, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Phân hóa học tăng 247,14%; tinh bột sắn tăng 50,0%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 48,85%; ván ép tăng 39,54%; điện sản xuất tăng 35,14%; lốp xe các loại tăng 31,93%. Một số sản phẩm tăng ổn định như: Điện thương phẩm tăng 8,44%; xi măng tăng 6,02%; gạch xây tăng 5,67%; săm xe các loại tăng 4,79%; nước máy tăng 0,04%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Bia dạng lon giảm 0,16%; dầu thông giảm 5,24%; tấm lợp pro xi măng giảm 23,44% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2017 ước đạt 1971,44 tỷ đồng, tăng 3,04% so với tháng trước và tăng 13,59% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1670,22 tỷ đồng, tăng 3,23% so với tháng trước và tăng 13,53% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 214,15 tỷ đồng, tăng 2,08% so với tháng trước và tăng 14,58% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 4,98 tỷ đồng, tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 5,08% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 82,09 tỷ đồng, tăng 1,92% so với tháng trước và tăng 12,82% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng diễn ra khá thuận lợi; 7 tháng đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 12.229,49 tỷ đồng, tăng 10,26% so với cùng kỳ năm trước và đạt 49% so với kế hoạch năm 2017.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2000. Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung XD khu kinh tế Đông Nam. Phối hợp làm việc với Viện Năng lượng về thu thập số liệu, tài liệu lập Quy hoạch điện mặt trời tỉnh đến năm 2020.

- Tham mưu Dự thảo văn bản của UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý chủ trương cho Tập đoàn Gazprom làm chủ đầu tư Nhà máy nhiệt khí tại Khu kinh tế Đông Nam. Đề xuất UBND tỉnh một số nội dung đàm phán Hợp đồng thuê đất Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị 1 với Tập đoàn EGATi.

- Tham mưu UBND ban hành văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Rà soát Dự thảo Phương án lộ trình thu tiền sử dụng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương khen thưởng về công tác khuyến công năm 2016; Tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2017.

- Triển khai công tác nghiệm thu, đóng điện hạng mục cấp điện nông thôn xã Ba Tầng thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị; Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) thuộc Dự án.

- Thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110 kV, 22kV và vị trí TBA 110kV Triệu Phong. Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh văn bản đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt bổ sung Dự án vào Quy hoạch phát triển thủy điện nhỏ.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh".

- Tổ chức kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh; Đoàn công tác liên ngành kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho người dân các xã ven biển huyện Hải Lăng; Báo cáo đánh giá tác động, ảnh hưởng và hậu quả của sự cố môi trường biển.

- Tổ chức rà soát sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày, giới thiệu và bán tại các điểm du lịch, danh thắng, các điểm lưu trú; Tham gia đạo diễn Diễn tập khu vực phòng thủ năm 2017 tại huyện Hải Lăng.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh; Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Xây dựng Kế hoạch và lập dự toán xây dựng Đề án phát triển thương mại tại khu vực biên giới. Tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại đối với các đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2018.

- Hoàn thành thủ tục thành lập Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; Tiếp tục thu thập cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên; Triển khai đề án Nâng cấp Cổng thông tin xuất nhập khẩu tỉnh.

- Chỉ đạo công tác vận động doanh nghiệp tham gia Hội nghị kết nối cung cầu tại tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Huế và Quảng Bình. Làm việc với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Xây dựng Chương trình hành động về phòng, chống tham nhũng theo Kế hoạch số 2699/KH-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh. Báo cáo kết quả rà soát tổng thể các cuộc thanh tra kinh tế- xã hội của tỉnh theo Kế hoạch số 32KH/BNCTU ngày 05/7/2017 của Ban Nội chính Tỉnh ủy.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017; Báo cáo phục vụ Hội nghị ngành Công Thương 6 tỉnh Bắc Trung Bộ năm 2017; Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung tại thông báo kết luận của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định thủ tục hành chính đối với lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải tại cấp huyện.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại về triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017; Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017).

III. Một số công tác trọng tâm tháng 8 năm 2017

- Tiếp tục chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016 các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành và dự toán ngân sách phục vụ xây dựng Kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2018.

- Tham mưu hỗ trợ giải quyết thủ tục Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án trọng điểm của tỉnh thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành báo cáo tổng hợp 2 Đề tài khoa học (công nghiệp chế biến gỗ và logistics).

- Phối hợp Trung Tâm quan trắc và Kỹ thuật môi trường lập Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định cơ sở, tổng hợp đăng ký đề án khuyến công quốc gia năm 2018; Hoàn chỉnh Dự thảo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2022.

- Phối hợp khảo sát, đánh giá thực trạng và các điều kiện phát triển ngành công nghiệp; Định hướng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề xuất Bộ Công Thương xem xét đầu tư nâng công suất Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị.

- Triển khai, phổ biến Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Phương án lộ trình thu tiền sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Viện năng lượng lập Quy hoạch điện mặt trời tỉnh đến năm 2020; Tiếp tục triển khai gói thầu số 4 thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị; Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo kế hoạch công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2017; Chuẩn bị tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Triển khai xây dựng đề án phát triển thương mại tại khu vực biên giới năm 2018; Hoàn thiện đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh; Chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội thảo lấy ý kiến Đề tài logistics.

- Hoàn chỉnh, tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại đối với các đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2018. Triển khai các nội dung tổ chức gian triển lãm trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà Nẵng.

- Triển khai Đề án thành lập Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; Triển khai đề án Nâng cấp Cổng thông tin xuất nhập khẩu tỉnh. Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị hợp tác Du lịch, Thương mại, Đầu tư, truyền thông và Lao động giữa 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet- Mukdahan.

- Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở; Thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2017; Triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; Triển khai dịch vụ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Sở năm 2017.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2017 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 8 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

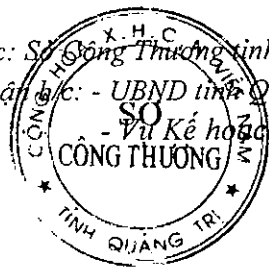
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *VP*



Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)



Biểu số 01/SCT-BCT

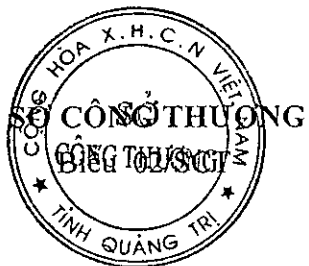
Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 7 năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Tinh bột sắn	Tấn	4716,98	2830,2	67398,11	1886,79	58764,15	60,00%	150,00%	114,69%
2	Bia dạng lon	1000 lít	2239,98	1750	12403	1753	8883	78,13%	99,84%	139,63%
3	Nước hoa quả (nước tăng lực)	1000 lít	1181,2	1500	7653	1008	6330	126,99%	148,85%	120,91%
4	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	26064	22000	132010	15766	57755	84,41%	139,54%	228,57%
5	Dầu thông	Tấn	164	160	820	169	857	97,56%	94,76%	95,65%
6	Phân hóa học	Tấn	6376	5700	33324	1642	21227	89,40%	347,14%	156,99%
7	Lốp xe máy, xe đạp	1000 cái	175,42	180	1087	136,44	888,38	102,61%	131,93%	122,38%
8	Săm xe máy, xe đạp	1000 cái	446,14	450	2506	429,42	2378,83	100,87%	104,79%	105,35%
9	Gạch xây	1000 viên	14953,00	15100	95484	14290	95278	100,98%	105,67%	100,22%
10	Xi măng	Tấn	32154,00	29520	185591	27843	181672	91,81%	106,02%	102,16%
11	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	411	410	2991	536	3174	99,84%	76,56%	94,21%
12	Điện sản xuất	Triệu Kwh	39,38	37,36	243,25	27,65	183,51	94,87%	135,14%	132,56%
13	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	50,89	51,00	317,62	47,03	302,12	100,22%	108,44%	105,13%
14	Nước máy	1000 m ³	1036,00	1036,00	6802,47	1035,54	6578,63	100,00%	100,04%	103,40%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	1913,27	1971,44	12229,49	1735,57	11091,74	103,04%	113,59%	110,26%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1617,97	1670,22	10176,88	1471,17	9300,76	103,23%	113,53%	109,42%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	134,60	135,13	747,25	90,16	603,54	100,40%	149,88%	123,81%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2/1</i>	<i>7=2/4</i>	<i>8=3/5</i>
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,14	0,18	0,84	0,11	0,72	128,57%	158,33%	116,51%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1001,91	1031,20	5648,49	941,82	5178,30	102,92%	109,49%	109,08%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	481,32	503,71	3780,30	439,07	3518,19	104,65%	114,72%	107,45%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		295,30	301,22	2052,61	264,40	1790,98	102,00%	113,93%	114,61%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	214,75	219,13	1472,81	191,64	1282,51	102,04%	114,34%	114,84%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		209,78	214,15	1451,44	186,90	1263,08	102,08%	114,58%	114,91%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	4,98	4,98	21,37	4,74	19,43	100,09%	105,08%	109,99%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	80,55	82,09	579,80	72,77	508,47	101,92%	112,82%	114,03%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 7/2017

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2017		Tháng 7/2017			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2017 so với tháng 7/2016
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 6 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 6/2017	So với tháng 7/2016	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	229,98	119,35	224,89	107,11	122,62	117,06
1. Công nghiệp khai khoáng	57,81	118,74	51,70	92,26	107,56	95,89
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	271,55	121,31	265,10	109,31	123,27	118,83
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	78,23	112,30	82,09	104,06	135,11	123,43
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	152,27	97,24	152,25	99,99	100,47	103,49